

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP V
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/2023

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V
TỈNH B

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân TP. V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 07 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐ-ST ngày 24 tháng 7 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị S, sinh năm 1972

Địa chỉ: 1 H, phường T, thành phố V, tỉnh B. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: ông Đỗ Phúc P, sinh năm 1968

Địa chỉ: 4 B, phường N, thành phố V, tỉnh B. (vắng mặt xét xử lần 2 không lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tai đơn khởi kiện ngày 05 tháng 05 năm 2023 và quá trình làm việc tại tòa, nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Bà Trần Thị S và ông Đỗ Phúc P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 tại Thị Trấn P, Huyện C, Tỉnh L chỉ tổ chức làm đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên năm 2003 bà S chuyển đến V cho đến nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khác nhau về lối sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Từ những nguyên nhân đó làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng luôn căng thẳng và không còn hạnh phúc. Hiện nay, hai vợ chồng đã ly thân mỗi người sống một nơi. Nay bà S

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Phúc P.

Về con chung: Bà Trần Thị S xác định vợ chồng có 03 (ba) con chung là Đỗ Phúc L, sinh năm 1991, Đỗ Thị L1, sinh năm 1993 và Đỗ Phúc L2, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Đỗ Phúc P vắng mặt nhiều lần các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử không lý do chính đáng.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng các quy định pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng; thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với ông Đỗ Phúc P.

- Hôn nhân: bà Trần Thị S và ông Đỗ Phúc P là quan hệ hôn nhân không hợp pháp do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, không công nhận bà Trần Thị S và ông Đỗ Phúc P là vợ chồng.

- Con chung: 03 (ba) con chung là Đỗ Phúc L sinh năm 1991, Đỗ Thị L1 sinh năm 1993, và Đỗ Phúc L2 sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

- Tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ngày 05-05-2023 bà Trần Thị S có đơn khởi kiện ông Đỗ Phúc P về việc xin ly hôn. Bà S và ông P chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn; bị đơn có nơi cư

trú tại thành phố V, vì vậy xác định đây là vụ án khởi kiện về việc “ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Tại phiên tòa hôm nay, bà S có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông P nhiều lần vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà S, ông P theo khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân:

Bà Trần Thị S và ông Đỗ Phúc P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 tại Thị Trấn P, Huyện C, Tỉnh L chỉ tổ chức làm đám cưới theo phong tục của địa phương không có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân không hợp pháp. Do đó không công nhận bà Trần Thị S và ông Đỗ Phúc P là vợ chồng.

[2.2]. Về con chung: 03 (ba) con chung là Đỗ Phúc L sinh năm 1991, Đỗ Thị L1 sinh năm 1993, và Đỗ Phúc L2 sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về án phí: bà S phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 14; Điều 51, Điều 52, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị S và ông Đỗ Phúc P là vợ chồng.

Về con chung: 03 (ba) con chung là Đỗ Phúc L sinh năm 1991, Đỗ Thị L1 sinh năm 1993, và Đỗ Phúc L2 sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: bà Trần Thị S phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000506 ngày 18 tháng 05 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố V. Bà S đã nộp xong.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án tỉnh B xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.V;
- Chi cục THADS TP.V;
- TAND tỉnh B;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THÙY TRANG